

Bản án số: 85 /2020/DS - PT
Ngày 30 tháng 11 năm 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;

Ông Nguyễn Kim Ái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 11 và 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLPT- DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS - ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63 /2020/QĐPT - DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu 5, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996

Địa chỉ: khu 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Phú Thọ.

Hiện cư trú: tổ 38, khu 6, phường V, Thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/3/2020). (có mặt ngày 25 tháng 11 năm 2020, vắng mặt ngày 30 tháng 11 năm 2020

Bị đơn: Bà Khuất Thị H, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Tổ 34, khu T, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị M do người đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau, bà Khuất Thị H có hỏi vay tiền của bà Bùi Thị M để làm ăn, nên bà M đã cho bà H vay số tiền làm nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 16/3/2017 bà H vay của bà M số tiền là 20.000.000đ;
- Ngày 12/8/2017 bà H vay của bà M số tiền là 100.000.000đ;
- Ngày 24/8/2017 bà H vay của bà M số tiền là 20.000.000đ;
- Ngày 03/9/2017 bà H vay của bà M số tiền là 20.000.000đ;
- Ngày 09/9/2017 bà H vay của bà M số tiền là 10.000.000đ;
- Ngày 06/10/2017 bà H vay của bà M số tiền là 17.000.000đ;
- Ngày 23/11/2017 bà H vay của bà M số tiền là 30.000.000đ;
- Ngày 24/11/2017 bà H vay của bà M số tiền là 5.000.000đ;
- Ngày 14/12/2017 bà H vay của bà M số tiền là 5.000.000đ;
- Ngày 24/12/2017 bà H vay của bà M số tiền là 5.000.000đ;
- Ngày 08/01/2018 bà H vay của bà M số tiền là 22.000.000đ;

Tổng số tiền bà H vay của bà M là 254.000.000đ (Hai trăm năm mươi tư triệu đồng).

Bà M khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà H phải trả 254.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 26/8/2020 chị Nguyễn Thị Thu N có đơn đề nghị thay đổi về việc tính lãi suất và đề nghị tính lãi suất như sau: Do bà H vay rất nhiều lần nhưng chị chỉ yêu cầu tính lãi suất số tiền 254.000.000đ với mức 0,75%/tháng tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/8/2020 là 30 tháng 27 ngày = $254.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 30 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 58.864.500đ$ (Năm mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm đồng). Tổng cả gốc và lãi là 312.864.500đ (Ba trăm mười hai triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm đồng).

Bị đơn bà Khuất Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 16/5/2020 bà H trình bày: Do có quen biết với bà Bùi Thị M ở khu 5, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên bà có vay của bà M tiền để làm ăn. Số tiền vay làm nhiều lần và bà có viết giấy biên nhận, theo như bà M khởi kiện yêu cầu bà phải trả 254.000.000đ tiền gốc. Trong số tiền này bà đã nhiều lần trả lãi, mỗi lần trả lãi là 5.000.000đ. Cũng do mỗi lần trả lãi bà không thu lại giấy biên nhận hoặc viết rõ trả lãi nên bà đề nghị phía bà M xem xét lại, còn việc bà nợ vì hoàn cảnh gia đình cho đến hiện nay đang gặp khó khăn về kinh tế, bản thân bà hiện đang bệnh tật và phải điều trị dài ngày nên bà xin trả dần số tiền nợ trên, đối với số tiền lãi bà xin được miễn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về nội dung giải quyết, nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị bà H phải trả cho bà M số tiền gốc là 254.000.000đ; tiền lãi đến ngày 28/8/2020 là 58.864.500đ và không nhất trí với quan điểm của bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định:

Căn cứ Điều 280, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M đối với bà Khuất Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Khuất Thị H phải trả cho bà Bùi Thị M tổng số tiền gốc là 254.000.000đ (*Hai trăm năm mươi tư triệu đồng*); tiền lãi tính đến ngày 28/8/2020 là 58.864.500đ (*Năm mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm đồng*). Tổng cả gốc và lãi là 312.864.500đ (*Ba trăm mười hai triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Khuất Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bản án còn quyết định về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thỏa thuận thi hành án...

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 bà Khuất Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V về phần lãi suất cũng như số tiền gốc bà phải trả cho bà M. Đề nghị Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xử bác yêu cầu khởi kiện của bà M vì thực tế bà chỉ còn nợ bà M 180.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Khuất Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị không chấp nhận kháng cáo về tiền gốc, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn sửa thời điểm tính lãi và số tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử Phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà Bùi Thị M và bà Khuất Thị H là tranh chấp về hợp đồng

vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Khuất Thị H đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, bà Khuất Thị H không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 Tòa án nhân dân thành phố V về lãi suất, số tiền gốc bà phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị M và đề nghị bác yêu cầu khởi kiện. Nhận thấy:

[2.1] Về số tiền gốc: Tại phiên tòa, hai bên đương sự đều thừa nhận 11 Giấy vay tiền và Giấy biên nhận do bà M nộp đều do bà H viết và ký nhận. Nội dung tại các Giấy vay tiền, Giấy biên nhận thể hiện bà Khuất Thị H có vay của bà Bùi Thị M cụ thể như sau: Ngày 16/3/2017 vay số tiền là 20.000.000đ; ngày 12/8/2017 vay số tiền là 100.000.000đ; ngày 24/8/2017 vay số tiền là 20.000.000đ; ngày 03/9/2017 vay số tiền là 20.000.000đ; ngày 09/9/2017 vay số tiền là 10.000.000đ; ngày 06/10/2017 vay số tiền là 17.000.000đ; ngày 23/11/2017 vay số tiền là 30.000.000đ; ngày 24/11/2017 vay số tiền là 5.000.000đ; ngày 14/12/2017 vay số tiền là 5.000.000đ; ngày 24/12/2017 vay số tiền là 5.000.000đ; ngày 08/01/2018 vay số tiền là 22.000.000đ. Tổng các lần vay là 254.000.000đ. Tại bản tự khai ngày 16/5/2020 và biên bản hòa giải ngày 10/8/2020, tại phiên tòa phúc thẩm bà H thừa nhận có vay tiền của bà M làm nhiều lần để làm ăn là đúng. Bà H cho rằng giữa bà và bà M có thỏa thuận trả lãi, tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng trong giấy vay tiền không có thỏa thuận lãi, bà M cũng không cho vay lãi. Theo đó xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn không lãi, trong đó người cho vay là bà M, người vay là bà H. Quá trình giải quyết, phía nguyên đơn nộp cho tòa án 02 giấy chốt nợ bản phô tô, tại phiên tòa các bên đều thừa nhận do bà H ghi nội dung hẹn trả nợ là tháng 9 năm 2018. Hết thời hạn thỏa thuận bà M đòi nhiều lần bà H không trả, do vậy bà M khởi kiện là có căn cứ. Quá trình kháng cáo tại cấp phúc thẩm bà H cho rằng số tiền này bà đã nhiều lần trả lãi, và gốc mỗi lần trả lãi là 5.000.000đ nhưng bà không thu lại giấy Biên nhận và viết rõ là trả lãi. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bà H không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc đã trả lãi, gốc như bà trình bày. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không thừa nhận. Vì vậy, Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, lời khai tại phiên tòa của các bên đương sự để xác định việc bà Khuất Thị H vay của bà Bùi Thị M tổng số tiền gốc 254.000,000đ là có thực. Từ những phân tích trên thấy rằng bà H (bên vay) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà M (bên cho vay) nên bà H phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M đề nghị buộc bà H phải trả 254.000.000đ tiền gốc của các lần vay là có căn cứ chấp nhận, kháng

cáo về việc không đồng ý trả gốc và yêu cầu bác đơn của bà H không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về khoản tiền lãi: Bà H cho rằng có thỏa thuận lãi và bà đã trả. Về tài liệu chứng cứ bà không có để chứng minh. Căn cứ nội dung các Giấy vay tiền và Giấy biên nhận không thể hiện việc các bên thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng do mối quan hệ quen biết nên bà M cho bà H vay không lãi. Hết thời hạn cam kết, bà M đòi nhiều lần bà H không trả, tại cấp sơ thẩm chị đề nghị tính lãi suất là 0,75%/tháng của tổng số tiền gốc 254.000.000đ tính từ ngày 01/2/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/8/2020 là 30 tháng 27 ngày = 58.864.500đ tiền lãi. Tại cấp phúc thẩm, sau khi nghe bà H trình bày, tranh luận chị thay đổi giảm tiền lãi, chị đề nghị bà H có nghĩa vụ trả lãi cho bà M từ ngày vi phạm nghĩa vụ tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 41.000.000 (Bốn mươi một triệu đồng chẵn).

Căn cứ vào khoản 2 điều 280, khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bà M về việc yêu cầu buộc bà H phải trả lãi suất trên số tiền vay cho bà M là có căn cứ. Đề nghị về lãi suất của chị Nhân là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên (2.1; 2.2), quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là phù hợp. Việc thay đổi giảm 1 phần tiền lãi là do đại diện ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện. Đây là tình tiết mới nên sửa 1 phần tiền lãi theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và người kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận toàn nội dung kháng cáo của bà H về tiền gốc, chấp nhận 1 phần kháng cáo của bà H về tiền lãi do nguyên đơn thay đổi giảm tiền lãi cho bà H.

[3] Các nội dung, quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo có hiệu lực kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí; Bà Khuất Thị H là người cao tuổi có đơn bổ sung xin miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm và được chấp nhận 1 phần kháng cáo nên không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308, điều 309 BLTTDS;

[1] Không chấp yêu cầu kháng cáo của bà Khuất Thị H về số tiền gốc và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử bác yêu cầu khởi kiện. Chấp nhận 1 phần kháng cáo về phần lãi suất.

[2] Sửa 1 phần bản án dân sự sơ thẩm bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 Tòa án nhân dân thành phố V.

Căn cứ Điều 280, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M đối với bà Khuất Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Khuất Thị H phải trả cho bà Bùi Thị M tổng số tiền gốc là 254.000.000đ (*Hai trăm năm mươi tư triệu đồng*); tiền lãi tính đến ngày 28/8/2020 là 41.000.000. Tổng cả gốc và lãi là 295.000.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Các nội dung, quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo có hiệu lực kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Miễn án phí cho bà Khuất Thị H.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND thành phố V;
- THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thuỳ Hương